

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:81/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30-8-2022

V/: Không công nhận
quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hoàng Trung Chinh;

2- Ông Triệu Văn Huân.

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thuý Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2022/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn L** 38 tuổi

Địa chỉ: Thôn M - xã M T- huyện L- Y, có mặt.

Bị đơn: Chị **Nông Thị Nh** 37 tuổi

Địa chỉ: Thôn M - xã M T- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 28-7-2022 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Hoàng Văn L trình bày: Anh và chị Nông Thị Nh về sống chung năm 2002 không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến năm 2019 giữa hai người phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau; chị Nh bỏ đi làm ăn trong miền Nam, mặc dù anh đã nhiều lần liên lạc Nhng chị Nh không về. Nay xác định không thể tiếp tục chung sống anh đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Về con chung: Anh và chị Nh có hai cháu là Hoàng Cát T sinh ngày 15-9-2003 và Hoàng Chiến Th sinh ngày 08-3-2005, cháu T đã trưởng thành. Khi ly hôn anh sẽ nuôi cháu Th, không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 09-8-2022 bị đơn là chị Nông Thị Nh trình bày cơ bản Nh lời khai của anh L, tuy nhiên theo chị mâu thuẫn phát sinh từ năm 2017 do không còn tình cảm. Nay chị cũng xác định không thể tiếp tục sống chung nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Về con chung, khi ly hôn chị đồng ý để anh L nuôi cháu Hoàng Chiến Th. Về tài sản chung, nợ chung chị cũng không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 9; điều 14; điều 53; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị Nh; giao cháu Hoàng Chiến Th cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị Nh là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã M T- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nông thị Nh có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị Nh về sống chung như vợ chồng năm 2002 không đăng ký kết hôn là đúng thực tế. Trong những năm gần đây giữa hai người xảy ra mâu thuẫn, xác định không thể chung sống lâu dài, anh L đề nghị giải quyết cho ly hôn.

Để góp phần xây dựng, hoàn thiện, bảo vệ chế độ hôn nhân, gia đình tiến bộ, Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện...”; “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng...”. Thực tế trong vụ án này anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị Nh về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó cần phải áp dụng những quy định trên đây để tuyên bố anh L và chị Nh không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị Nh có hai cháu là Hoàng Cát T sinh ngày 15-9-2003 và Hoàng Chiến Th sinh ngày 08-3-2005, cháu T đã trưởng thành. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất khi ly hôn anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Chiến Th, chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Th cần ghi nhận.

[3] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Hoàng Văn L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14 và khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị Nh.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Hoàng Chiến Th sinh ngày 08-3-2005 cho anh Hoàng Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Nông Thị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; anh Hoàng Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh L đã nộp đủ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2021/0002442 ngày 28-7-2022.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Hoàng Văn L có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nông Thị Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô